

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ KIẾN ĐƯỢC HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2025-2026**

(Kèm theo Thông báo số: /TB- ĐHLN ngày tháng năm 2026 của Hiệu trưởng)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm học tập	Điểm rèn luyện	Loại học bổng	Số tiền (đồng)
Khóa 67							405.889.250
1.1. Ngành Kế toán							52.470.000
1	2273403010915	MAI HƯƠNG GIANG	K67A-Kế toán	4	Xuất sắc	Xuất sắc	8.745.000
2	2273403010851	PHÙNG THỊ HUYỀN	K67B-Kế toán	4	Xuất sắc	Xuất sắc	8.745.000
7	2273403010582	NGUYỄN HÀ NA	K67A-Kế toán	3.83	Xuất sắc	Xuất sắc	8.745.000
8	2273403010534	NGUYỄN THÁI MINH HUYỀN	K67A-Kế toán	3.78	Xuất sắc	Xuất sắc	8.745.000
9	2274801040852	DƯƠNG THỊ LAN	K67A-Kế toán	3.7	Xuất sắc	Xuất sắc	8.745.000
10	2273401010719	TRẦN THỊ HƯƠNG	K67B-Kế toán	3.67	Xuất sắc	Xuất sắc	8.745.000
1.2. Ngành Công nghệ sinh học							18.810.000
1	2274202010205	MA SEO SÈNG	K67A-CNSH	4	Xuất sắc	Xuất sắc	9.405.000
2	2274202010140	PHẠM XUÂN PHÚ	K67A-CNSH	4	Xuất sắc	Xuất sắc	9.405.000
1.3. Ngành Lâm sinh							20.350.000
1	2276202110497	TRIỆU MINH KHÔI	K67A-Lâm sinh	4	Xuất sắc	Xuất sắc	10.175.000
	2276202050330	LỤC HỒNG ĐĂNG	K67A-Lâm sinh	4	Xuất sắc	Xuất sắc	10.175.000
1.4. Ngành Quản lý tài nguyên và môi trường							9.295.000
1	2278501010553	TRẦN THAI SƠN	K67A-QLTNMT	3.6	Xuất sắc	Xuất sắc	9.295.000
1.5. Ngành Quản trị kinh doanh							42.930.000
1	2273401010423	VŨ THỊ HIỀN THAO	K67A-QTKD	3.88	Xuất sắc	Xuất sắc	8.745.000
2	2273401010670	ỪNG THỊ VIỆT MỸ	K67A-QTKD	3.84	Xuất sắc	Xuất sắc	8.745.000
3	2273401010138	LÊ HOÀNG ANH	K67A-QTKD	3.81	Xuất sắc	Xuất sắc	8.745.000
4	2273401010847	PHẠM NHƯ QUỲNH	K67A-QTKD	3.88	Tốt	Giỏi	8.347.500
5	2273401010313	TẠ THANH THẢO	K67A-QTKD	3.85	Tốt	Giỏi	8.347.500
1.6. Ngành Quản lý tài nguyên rừng							29.600.000
1	2276202110485	LŨ ANH THAI	K67A-QLTNR	3.63	Xuất sắc	Xuất sắc	10.175.000
2	2276202110908	PHẠM ĐIỀU HÀ	K67A-QLTNR	4	Tốt	Giỏi	9.712.500
3	2276202110676	HÀ VĂN QUÂN	K67A-QLTNR	3.91	Tốt	Giỏi	9.712.500
1.7. Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử							19.887.500
1	2275102030567	TRƯƠNG VĂN GIANG	K67A-CNCĐT	3.65	Xuất sắc	Xuất sắc	10.175.000
2	2275102030902	ĐẶNG HOÀNG GIÁP	K67A-CNCĐT	4	Tốt	Giỏi	9.712.500
1.8. Ngành Quản lý đất đai							9.295.000
1	2278501030490	VILÊ TÙNG DƯƠNG	K67A-QLĐĐ	4	Xuất sắc	Xuất sắc	
2	2278501030521	VŨ THỊ BÍCH NGỌC	K67A-QLĐĐ	4	Xuất sắc	Xuất sắc	9.295.000
1.9. Ngành Kỹ thuật xây dựng							9.712.500
1	2275802010833	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	K67A-KTXD	3.71	Tốt	Giỏi	9.712.500
1.10. Ngành Kiến trúc cảnh quan							20.350.000
1	2275801020134	NÔNG THỊ HỒNG GÂM	K67A-KTCQ	3.9	Xuất sắc	Xuất sắc	10.175.000
	2275801020135	NHÂM MAI QUỲNH	K67 KTCQ	3,86	Xuất sắc	Xuất sắc	10.175.000
1.11. Ngành Quản lý tài nguyên thiên nhiên							17.991.750
1	2278501060414	VŨ THỊ NGỌC MAI	K67-QLTNTN (Adv	3.86	Tốt	Giỏi	17.991.750
1.12. Ngành Dịch vụ du lịch và lữ hành							27.040.000
1	2278101030780	HOÀNG THUY TRANG	K67A-QTDLLH	3.65	Xuất sắc	Xuất sắc	9.295.000
2	2273101010881	TRĂNG THỊ MAI	K67A-QTDLLH	4	Tốt	Giỏi	8.872.500
3	2273401010864	NGUYỄN THAO PHƯƠNG	K67A-QTDLLH	3.91	Tốt	Giỏi	8.872.500
1.13. Ngành Chế biến lâm sản							10.175.000
1	2275490010258	LÊ ANH QUÂN	K67A-CBLS	4	Xuất sắc	Xuất sắc	10.175.000
1.14. Ngành Thú y							29.600.000
1	2276401010536	NGUYỄN ĐỖ HẠNH TRANG	K67A-Thú y	3.74	Xuất sắc	Xuất sắc	10.175.000
2	2276401010165	ĐÀO THUY NGÀ	K67A-Thú y	3.82	Tốt	Giỏi	9.712.500
3	2276401010086	HOÀNG THỊ MÈN	K67A-Thú y	3,59	Tốt	Giỏi	9.712.500
1.15. Ngành Thiết kế nội thất							20.350.000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm học tập	Điểm rèn luyện	Loại học bổng	Số tiền (đồng)
1	2275801080326	VŨ THỊ HỒNG NHỊ	K67A-TKNT	4	Xuất sắc	Xuất sắc	10.175.000
2	2275801080325	ĐẶNG THỊ HƯƠNG	K67A-TKNT	4	Xuất sắc	Xuất sắc	10.175.000
1.16. Ngành Hệ thống thông tin							29.600.000
1	2274801040879	ĐINH ĐIỀU HƯƠNG	K67A-HTTT	3.93	Xuất sắc	Xuất sắc	10.175.000
2	2274801040492	NGUYỄN HỮU VIỆT ANH	K67A-HTTT	3.5	Tốt	Giỏi	9.712.500
3	2274801040650	ĐỖ HỮU THÀNH	K67A-HTTT	3.5	Tốt	Giỏi	9.712.500
1.17. Ngành Công tác xã hội							9.295.000
1	2277601010886	CHANG CHUY MẾ	K67A-CTXH	4	Xuất sắc	Xuất sắc	9.295.000
1.18. Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô							29.137.500
1	2275102050333	TRẦN THANH THAI	K67A-CNKTOTO	3.76	Tốt	Giỏi	9.712.500
2	2275102050753	BẠCH VĂN THANH HÙNG	K67A-CNKTOTO	3.74	Tốt	Giỏi	9.712.500
3	2275102050840	TÔNG KHÁNH LY	K67A-CNKTOTO	3.55	Xuất sắc	Giỏi	9.712.500
KHÓA 68							483.531.750
2.1. Ngành Thiết kế nội thất							19.887.500
1	23680295	TA ĐỨC THẮNG	K68A_TKNT	3.94	Xuất sắc	Xuất sắc	10.175.000
2	23680839	NGUYỄN JIM MY	K68A_TKNT	3.92	Tốt	Giỏi	9.712.500
2.2. Ngành Kiến trúc cảnh quan							10.175.000
1	23680371	NGUYỄN VĂN VŨNG	K68A-KTCQ	4	Xuất sắc	Xuất sắc	10.175.000
2.3. Ngành Quản lý tài nguyên rừng							39.775.000
1	23680688	NGUYỄN THU QUỲNH	K68A-QLTNR	3.69	Xuất sắc	Xuất sắc	10.175.000
2	23680740	CHÀO A LỊCH	K68A-QLTNR	3.65	Xuất sắc	Xuất sắc	10.175.000
3	23680717	SÙNG MINH THU	K68A-QLTNR	3.57	Tốt	Giỏi	9.712.500
4	23680467	ĐÀO THỂ ANH	K68A-QLTNR	3.48	Tốt	Giỏi	9.712.500
2.4. Ngành Thú y							39.312.500
1	23680217	ĐỖ THỊ MINH NGỌC	K68A-Thú y	3.91	Xuất sắc	Xuất sắc	10.175.000
2	23680624	TRINH THỊ TUYẾT NHỊ	K68A-Thú y	3.74	Tốt	Giỏi	9.712.500
3	23680389	HÀ THỊ MAI	K68A-Thú y	3.74	Tốt	Giỏi	9.712.500
4	23680792	HOÀNG MINH THƯ	K68A-Thú y	3.63	Tốt	Giỏi	9.712.500
2.5. Ngành Kỹ thuật xây dựng							9.250.000
1	23680758	NGUYỄN PHI LONG	K68A-KTXD	3.1	Xuất sắc	Khá	9.250.000
2.6. Ngành Quản lý tài nguyên và môi trường							8.872.500
1	23680777	BÀN THỊ LÊ QUYỀN	K68A-QLTN&MT	3.61	Tốt	Giỏi	8.872.500
2.7. Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành							26.617.500
1	23680314	LÊ HOÀNG CÔNG NHẬT	K68A-DLLH	3.85	Tốt	Giỏi	8.872.500
2	23680246	NGUYỄN NHẬT PHƯỢNG	K68A-DLLH	3.73	Tốt	Giỏi	8.872.500
3	23680379	Nguyễn Đức Phú	K68A-DLLH	3.70	Tốt	Giỏi	8.872.500
2.8. Ngành Quản lý đất đai							17.745.000
1	23680619	HÀ NGỌC ÁNH	K68A-QLĐĐ	3.48	Xuất sắc	Giỏi	8.872.500
2	23680317	NGUYỄN XUÂN PHỤNG	K68A-QLĐĐ	3.43	Tốt	Giỏi	8.872.500
2.9. Ngành Kỹ thuật cơ khí							9.712.500
1	23680284	PHẠM HAI ĐĂNG	K68A-KTCK	3.5	Xuất sắc	Giỏi	9.712.500
2.10. Ngành Công nghệ sinh học							18.810.000
1	23680261	AN HOÀI LINH	K68A-CNSH	3.85	Xuất sắc	Xuất sắc	9.405.000
2	23680707	NGUYỄN THỊ TRANG	K68A-CNSH	3.80	Xuất sắc	Xuất sắc	9.405.000
2.11. Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô							19.425.000
1	23680405	HOÀNG BAO LÂM	K68A-CNOTO	3.92	Tốt	Giỏi	9.712.500
2	23680386	VÕ THÁI XUÂN TỬ	K68A-CNOTO	3.69	Tốt	Giỏi	9.712.500
2.12. Ngành Hệ thống thông tin							29.137.500
1	23680491	PHẠM HỮU QUANG VINH	K68A-HTTT	3.57	Tốt	Giỏi	9.712.500
2	23680268	PHẠM TUÂN KHANH	K68A-HTTT	3.27	Tốt	Giỏi	9.712.500
3	23680551	PHÙNG ĐỨC ANH	K68A-HTTT	3.27	Tốt	Giỏi	9.712.500
2.13. Ngành Lâm sinh							20.350.000
1	23680166	HOÀNG THANH HẰNG	K68A-Lâm sinh	3.97	Xuất sắc	Xuất sắc	10.175.000
2	23680674	LÊ THỊ YÊN NHỊ	K68A-Lâm sinh	3.92	Xuất sắc	Xuất sắc	10.175.000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm học tập	Điểm rèn luyện	Loại học bổng	Số tiền (đồng)
2.14. Ngành Kế toán							76.717.500
1	23680437	DƯƠNG THỊ KIM DUYỀN	K68A-Kế toán	3.82	Xuất sắc	Xuất sắc	8.745.000
2	23680530	BÙI THỊ QUỲNH HOA	K68B-Kế toán	3.64	Xuất sắc	Xuất sắc	8.745.000
3	23680827	VŨ THỊ TRINH	K68B-Kế toán	3.63	Xuất sắc	Xuất sắc	8.745.000
4	23680178	BÙI THANH HUYỀN	K68B-Kế toán	3.61	Xuất sắc	Xuất sắc	8.745.000
5	23680734	ĐÀO THỊ NHƯ QUỲNH	K68B-Kế toán	4	Tốt	Giỏi	8.347.500
6	23680779	ĐÀO HOÀNG TUƠNG VI	K68B-Kế toán	3.82	Tốt	Giỏi	8.347.500
7	23680460	BÙI BÍCH NGỌC	K68A-Kế toán	3.75	Tốt	Giỏi	8.347.500
8	23680762	ĐỖ THỊ NHUNG	K68B-Kế toán	3.68	Tốt	Giỏi	8.347.500
9	23680132	NGUYỄN NGỌC MAI	K68A-Kế toán	3.64	Tốt	Giỏi	8.347.500
2.15. Ngành Logistic và Quản lý chuỗi cung ứng							20.350.000
1	23680594	TRẦN VĂN HIẾU	K68A-Logistics_	3.73	Xuất sắc	Xuất sắc	10.175.000
2	23680283	NGÔ VINH LỘC	K68A-Logistics_	3.73	Xuất sắc	Xuất sắc	10.175.000
2.16. Ngành Quản trị kinh doanh							34.582.500
1	23680807	HOÀNG ĐIỀU THÚY	K68A-QTKD	4	Xuất sắc	Xuất sắc	8.745.000
2	23680878	LÊ THỊ HƯỜNG DIU	K68A-QTKD	3.84	Xuất sắc	Xuất sắc	8.745.000
3	23680148	VƯƠNG HỒNG THÚY	K68A-QTKD	3.64	Xuất sắc	Xuất sắc	8.745.000
4	23680500	TẶNG THỊ HUỆ	K68A-QTKD	3.92	Tốt	Giỏi	8.347.500
2.17. Ngành Tài chính ngân hàng							17.092.500
1	23680465	TRẦN LAN ANH	K68A-TCNH	3.77	Tốt	Giỏi	8.347.500
2	23680666	NGUYỄN THANH THÚY	K68A-TCNH	3.74	Xuất sắc	Xuất sắc	8.745.000
2.18. Chế biến lâm sản							9.712.500
1	23680454	TRẦN VŨ LONG	K68A-CNCBLS	3.88	Tốt	Giỏi	9.712.500
2.19. Chương trình tiên tiến							17.991.750
1	23680599	PHẠM THỊ NGỌC QUỲNH	K68-QLTNTN (Adv	3.71	Tốt	Giỏi	17.991.750
2.20. Ngành Kinh tế							18.590.000
1	23680697	NGUYỄN THỊ HAI YẾN	K68A-Kinh tế	4	Xuất sắc	Xuất sắc	9.295.000
2	23680542	NGUYỄN ĐẮC DUY	K68A-Kinh tế	3.78	Xuất sắc	Xuất sắc	9.295.000
2.21. Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử							19.425.000
1	23680511	LÊ BAO LONG	K68A-CNCĐ	3.36	Tốt	Giỏi	9.712.500
2	23680459	NGUYỄN THÀNH CÔNG	K68A-CNCĐ	3.25	Tốt	Giỏi	9.712.500
KHÓA 69							806.216.750
3.1. Kỹ thuật cơ khí							18.962.500
1	24691089	HÀU VĂN VIỆN	K69A-KTCK	3.36	Tốt	Giỏi	9.712.500
2	24691397	LÊ ĐỨC TÀI	K69A-KTCK	3.45	Khá	Khá	9.250.000
3.2. Ngành Thú y							69.375.000
1	24690569	LÊ HAI HÀ	K69A-THÚ Y	3.92	Xuất sắc	Xuất sắc	10.175.000
2	24691326	TẠ HỒNG THÚY	K69A-THÚ Y	3.63	Xuất sắc	Xuất sắc	10.175.000
3	24690866	TRỊNH TÙNG	K69A-THÚ Y	3.61	Xuất sắc	Xuất sắc	10.175.000
4	24690845	PHẠM TRƯỜNG AN	K69A-THÚ Y	3.71	Tốt	Giỏi	9.712.500
5	24690691	BÙI THỊ CHIÊN HẢO	K69A-THÚ Y	3.58	Tốt	Giỏi	9.712.500
6	24691207	NGUYỄN VĂN MINH	K69A-THÚ Y	3.56	Tốt	Giỏi	9.712.500
7	24690753	LÊ THỊ NGỌC ANH	K69A-THÚ Y	3.53	Tốt	Giỏi	9.712.500
3.3. Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử							30.525.000
1	24691319	NGUYỄN PHI LONG	K69A-CNCĐT	3.79	Xuất sắc	Xuất sắc	10.175.000
2	24690493	VƯƠNG THỊ HIỀN	K69A-CNCĐT	3.68	Xuất sắc	Xuất sắc	10.175.000
3	24691195	NGUYỄN HỒNG MẠNH	K69A-CNCĐT	3.61	Xuất sắc	Xuất sắc	10.175.000
3.4. Ngành Kiến trúc cảnh quan							20.350.000
1	24690499	HỒ THÚY AN	K69A-KTCQ	3.84	Xuất sắc	Xuất sắc	10.175.000
2	24690856	TÔ THỊ HÀ	K69A-KTCQ	3.69	Xuất sắc	Xuất sắc	10.175.000
3.5. Ngành Quản lý tài nguyên thiên nhiên							17.991.750
1	24690658	TRẦN SONG THỎ	K69-QLTNTN (ADV	3.92	Tốt	Giỏi	17.991.750
3.6. Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành							81.120.000
1	24690715	BÙI THỊ MỸ HUỆ	K69A-DLLH	3.87	Xuất sắc	Xuất sắc	9.295.000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm học tập	Điểm rèn luyện	Loại học bổng	Số tiền (đồng)
2	24691030	NGUYỄN THỊ ÁNH DƯƠNG	K69B-DLLH	3.79	Xuất sắc	Xuất sắc	9.295.000
3	24691058	ĐUỖNG THỊ THU MINH	K69A-DLLH	3.68	Xuất sắc	Xuất sắc	9.295.000
4	24691228	PHÙNG THỊ HỒNG HẠNH	K69B-DLLH	3.8	Tốt	Giỏi	8.872.500
5	24691406	HOÀNG THỊ KIỀU	K69A-DLLH	3.78	Tốt	Giỏi	8.872.500
6	24690665	NGUYỄN T THANH HUYỀN	K69A-DLLH	3.76	Tốt	Giỏi	8.872.500
7	24690858	VŨ ANH TUẤN	K69B-DLLH	3.75	Tốt	Giỏi	8.872.500
8	24691264	NGÔ THỊ PHƯƠNG ANH	K69B-DLLH	3.75	Tốt	Giỏi	8.872.500
9	24690917	HOÀNG TRUNG TUYẾN	K69B-DLLH	3.65	Tốt	Giỏi	8.872.500
3.7. Ngành Hệ thống thông tin							49.950.000
1	24690484	BẠCH NGỌC SÁNG	K69A-HTTT	3.74	Xuất sắc	Xuất sắc	10.175.000
2	24691340	HOÀNG HƯƠNG TRÁ	K69A-HTTT	3.63	Xuất sắc	Xuất sắc	10.175.000
3	24690557	BUI NGOC PHUONG	K69A-HTTT	3.6	Xuất sắc	Xuất sắc	10.175.000
4	24691123	VŨ ĐĂNG HÀ CHÂU	K69A-HTTT	3.58	Tốt	Giỏi	9.712.500
5	24690511	NGUYỄN TRUNG TRIỆU	K69A-HTTT	3.58	Tốt	Giỏi	9.712.500
3.8. Ngành Kế toán							93.015.000
1	24690798	NGUYỄN VĂN NAM	K69A-KẾ TOÁN	4	Xuất sắc	Xuất sắc	8.745.000
2	24690321	TRẦN THỊ NGỌC LINH	K69A-KẾ TOÁN	3.84	Xuất sắc	Xuất sắc	8.745.000
3	24690667	TRẦN NGUYỄN TRIỆU VY	K69B-KẾ TOÁN	3.74	Xuất sắc	Xuất sắc	8.745.000
4	24690374	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NGÀ	K69A-KẾ TOÁN	3.53	Xuất sắc	Giỏi	8.347.500
5	24691421	LÒ THỊ KIỀU LINH	K69A-KẾ TOÁN	3.72	Tốt	Giỏi	8.347.500
6	24690558	TRINH THU HẠNH	K69B-KẾ TOÁN	3.53	Tốt	Giỏi	8.347.500
7	24690684	PHẠM THỊ THANH NGOAN	K69B-KẾ TOÁN	3.53	Tốt	Giỏi	8.347.500
8	24690891	HÀ YÊN NHI	K69B-KẾ TOÁN	3.5	Tốt	Giỏi	8.347.500
9	24691260	NGUYỄN THÚY HUYỀN	K69A-KẾ TOÁN	3.44	Tốt	Giỏi	8.347.500
10	24691484	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	K69A-KẾ TOÁN	3.44	Tốt	Giỏi	8.347.500
11	24690518	HOÀNG BÍCH LOAN	K69B-KẾ TOÁN	3.39	Tốt	Giỏi	8.347.500
3.9. Ngành Quản lý tài nguyên rừng							77.700.000
1	24690720	NGUYỄN ĐỨC TUYẾN	K69B-QLTNR	3.78	Tốt	Giỏi	9.712.500
2	24691297	TAO VĂN VIỆN	K69A-QLTNR	3.63	Tốt	Giỏi	9.712.500
3	24690865	NGUYỄN ANH TÀI	K69B-QLTNR	3.5	Tốt	Giỏi	9.712.500
4	24690670	TRIỆU THỊ NGUYỆT ANH	K69A-QLTNR	3.45	Tốt	Giỏi	9.712.500
5	24690813	HÀ PHÚC TÂN	K69A-QLTNR	3.42	Xuất sắc	Giỏi	9.712.500
6	24691325	PHẠM TIỀN HUY	K69B-QLTNR	3.42	Tốt	Giỏi	9.712.500
7	24691245	HÀNG A ĐI	K69A-QLTNR	3.41	Tốt	Giỏi	9.712.500
8	24691067	TRINH MINH THẮNG	K69A-QLTNR	3.40	Tốt	Giỏi	9.712.500
3.10. Ngành Quản lý tài nguyên và môi trường							17.745.000
1	24691362	TRẦN THỊ THANH THƯ	K69A-QLTN&MT	3.92	Tốt	Giỏi	8.872.500
2	24691029	BUI THU HIỀN	K69A-QLTN&MT	3.7	Tốt	Giỏi	8.872.500
3.11. Ngành Quản trị kinh doanh							68.370.000
1	24691177	PHÙNG THỊ HỒNG NGỌC	K69B-QTKD	3.82	Xuất sắc	Xuất sắc	8.745.000
2	24690767	NGUYỄN MAI TRANG	K69B-QTKD	3.82	Xuất sắc	Xuất sắc	8.745.000
3	24691279	PHẠM PHƯƠNG KHÁNH	K69B-QTKD	3.66	Xuất sắc	Xuất sắc	8.745.000
4	24691239	VŨ THỊ CẨM LY	K69B-QTKD	3.63	Xuất sắc	Xuất sắc	8.745.000
5	24690930	LÊ VĂN TIỀN	K69B-QTKD	3.84	Tốt	Giỏi	8.347.500
6	24691403	ĐOÀN THỊ ANH THƯ	K69A-QTKD	3.73	Tốt	Giỏi	8.347.500
7	24690800	ĐỖ THỊ LAN HƯƠNG	K69A-QTKD	3.66	Tốt	Giỏi	8.347.500
8	24690364	NGÔ MAI CHI	K69A-QTKD	3.63	Tốt	Giỏi	8.347.500
3.12. Ngành Công nghệ sinh học							17.955.000
1	24690871	VŨ THỊ HỒNG LAM	K69A-CNSH	3.69	Tốt	Giỏi	8.977.500
	24691271	HOÀNG DIỆU LINH	K69A-CNSH	3.5	Tốt	Giỏi	8.977.500
3.13. Ngành Kỹ thuật xây dựng							9.712.500
1	24690376	LÊ HỮU MINH	K69A-KTXD	3.5	Xuất sắc	Giỏi	9.712.500
3.14. Ngành Lâm sinh							30.525.000
1	24690897	LÃ TRẦN DIỆU LINH	K69A-LÂM SINH	3.82	Xuất sắc	Xuất sắc	10.175.000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm học tập	Điểm rèn luyện	Loại học bổng	Số tiền (đồng)
2	24690445	LY MÍ SAY	K69A-LÂM SINH	3.7	Xuất sắc	Xuất sắc	10.175.000
3	24690920	LÊ ĐÌNH THI	K69A-LÂM SINH	3.6	Xuất sắc	Xuất sắc	10.175.000
3.15. Ngành Quản lý đất đai							9.295.000
1	24690695	TRẦN MINH ANH	K69A-QLĐĐ	3.6	Xuất sắc	Xuất sắc	9.295.000
3.16. Ngành Thiết kế nội thất							40.237.500
1	24690539	NGUYỄN QUANG ĐỨC ANH	K69A-TKNT	3.95	Xuất sắc	Xuất sắc	10.175.000
2	24691055	PHẠM MAI ANH	K69A-TKNT	3.83	Xuất sắc	Xuất sắc	10.175.000
3	24691018	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	K69A-TKNT	3.69	Xuất sắc	Xuất sắc	10.175.000
4	24690735	TRẦN PHƯƠNG HOA	K69A-TKNT	3.81	Tốt	Giỏi	9.712.500
3.17. Công tác xã hội							8.872.500
1	24690596	HÀ THỊ XUYỀN	K69A-CTXH	3.68	Tốt	Giỏi	8.872.500
3.18. Ngành Logistic và quản lý chuỗi cung ứng							48.562.500
1	24691286	NGUYỄN TRỌNG DƯƠNG	K69A-LOGISTICS	3.92	Tốt	Giỏi	9.712.500
2	24691042	TRẦN NGUYỄN BAO VI	K69A-LOGISTICS	3.58	Tốt	Giỏi	9.712.500
3	24691022	TRẦN THỊ NGỌC TRÂM	K69A-LOGISTICS	3.57	Xuất sắc	Giỏi	9.712.500
4	24690483	VŨ VĂN MINH	K69A-LOGISTICS	3.41	Tốt	Giỏi	9.712.500
5	24690797	BÊ BẢO NGỌC	K69A-LOGISTICS	3.41	Tốt	Giỏi	9.712.500
3.19. Ngành Kinh tế							27.040.000
1	24690884	NGUYỄN THỊ MAY	K69A-KINH TẾ	3.64	Xuất sắc	Xuất sắc	9.295.000
2	24691374	CAO XUÂN MAI	K69A-KINH TẾ	3.74	Tốt	Giỏi	8.872.500
3	24691280	NGUYỄN HAI YÊN	K69A-KINH TẾ	3.61	Tốt	Giỏi	8.872.500
3.20. Ngành Chế biến lâm sản							10.175.000
1	24691044	TẠ THỊ THANH THẢO	K69A-CNCBLS	3.94	Xuất sắc	Xuất sắc	10.175.000
2	24690570	Đặng Hương Quỳnh	K69A-CNCBLS	3.5	Giỏi	Giỏi	
3.21. Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô							58.737.500
1	24691218	PHẠM GIA PHÚC	K69A-CNOTO	3.69	Xuất sắc	Xuất sắc	10.175.000
2	24690640	NGUYỄN MINH HIẾU	K69A-CNOTO	3.62	Tốt	Giỏi	9.712.500
3	24690367	ĐOÀN TRUNG ĐỨC	K69A-CNOTO	3.55	Tốt	Giỏi	9.712.500
4	24691172	NGUYỄN VĂN HUY	K69A-CNOTO	3.53	Tốt	Giỏi	9.712.500
5	24690582	NGUYỄN MINH DŨNG	K69A-CNOTO	3.5	Xuất sắc	Giỏi	9.712.500
6	24690995	TRẦN VĂN MINH	K69A-CNOTO	3.5	Tốt	Giỏi	9.712.500
KHÓA 70							1.150.674.250
4.1. Ngành Kỹ thuật cơ khí							48.562.500
1	25700773	PHẠM ĐỨC DƯƠNG	K70A-KTCK	3.85	Tốt	Giỏi	9.712.500
2	25701632	NGUYỄN VIỆT HÙNG	K70A-KTCK	3.73	Tốt	Giỏi	9.712.500
3	25700912	NGUYỄN VĂN TIẾN	K70A-KTCK	3.65	Tốt	Giỏi	9.712.500
4	25701699	HOÀNG MINH CHIẾN	K70A-KTCK	3.58	Tốt	Giỏi	9.712.500
5	25700125	NGUYỄN THÀNH PHI	K70A-KTCK	3.5	Tốt	Giỏi	9.712.500
4.2. Ngành Kiến trúc cảnh quan							29.137.500
1	25700424	PHẠM QUÊ NHI	K70A-KTCQ	3.89	Tốt	Giỏi	9.712.500
2	25700204	NGUYỄN HỮU MINH QUANG	K70A-KTCQ	3.57	Xuất sắc	Giỏi	9.712.500
3	25701113	ĐỖ BẢO VIỆT	K70A-KTCQ	3.46	Tốt	Giỏi	9.712.500
4.3. Ngành Du lịch sinh thái							8.872.500
1	25700050	NGUYỄN TÂN DŨNG	K70A-DLST	3.92	Tốt	Giỏi	8.872.500
4.4. Ngành Kinh tế							53.657.500
3	25700544	NGUYỄN THANH HUYỀN	K70A-KINH TẾ	3.6	Xuất sắc	Xuất sắc	9.295.000
1	25700396	NGUYỄN THỊ THUY LINH	K70A-KINH TẾ	3.77	Tốt	Giỏi	8.872.500
2	25700665	NGUYỄN THỊ KHÁNH VÂN	K70A-KINH TẾ	3.63	Tốt	Giỏi	8.872.500
4	25700123	NGUYỄN DIỆU ANH	K70A-KINH TẾ	3.6	Tốt	Giỏi	8.872.500
5	25700415	ĐÌNH THỊ ANH DƯƠNG	K70A-KINH TẾ	3.57	Xuất sắc	Giỏi	8.872.500
6	25701544	CHU PHƯƠNG THẢO	K70A-KINH TẾ	3.57	Tốt	Giỏi	8.872.500
4.5. Ngành Công nghệ sinh học							18.810.000
1	25700383	TRẦN ĐẶNG PHƯƠNG TRINH	K70A-CNSH	3.88	Xuất sắc	Xuất sắc	9.405.000
2	25700374	NGUYỄN ĐÌNH VIỆT ANH	K70A-CNSH	3.81	Xuất sắc	Xuất sắc	9.405.000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm học tập	Điểm rèn luyện	Loại học bổng	Số tiền (đồng)
4.6. Ngành Thiết kế nội thất							55.500.000
1	25700671	LÊ HOÀNG ANH	K70A-TKNT	3.31	Khá	Khá	9.250.000
2	25701627	PHẠM THÁI DƯƠNG	K70A-TKNT	3.08	Khá	Khá	9.250.000
3	25701896	HOÀNG THỊ MAI PHƯƠNG	K70A-TKNT	3.04	Xuất sắc	Khá	9.250.000
4	25701182	ĐỖ NGỌC BAO	K70A-TKNT	3.04	Khá	Khá	9.250.000
5	25700266	NGUYỄN THỊ HỒNG PHÚC	K70A-TKNT	3.04	Khá	Khá	9.250.000
6	25701754	NGUYỄN THẢO VY	K70A-TKNT	3	Tốt	Khá	9.250.000
4.7. Ngành Chương trình tiên tiến							17.991.750
1	25700446	LÊ HẠNH NGUYỄN	K70A-QLTNTN (AD)	3.88	Tốt	Giỏi	17.991.750
4.8. Ngành Quản lý đất đai							26.617.500
1	25701425	NGUYỄN THỊ ĐAI TRANG	K70A-QLĐĐ	3.9	Tốt	Giỏi	8.872.500
2	25700899	TRẦN MINH TRANG	K70A-QLĐĐ	3.67	Tốt	Giỏi	8.872.500
3	25700537	NGÔ THỊ MỸ HẠNH	K70A-QLĐĐ	3.43	Tốt	Giỏi	8.872.500
4.9. Ngành Du lịch lữ hành							158.015.000
1	25701771	PHẠM THỊ THU UYÊN	K70A-DLLH	4	Tốt	Giỏi	8.872.500
2	25700042	PHẠM NHƯ Ý	K70A-DLLH	3.91	Tốt	Giỏi	8.872.500
3	25700918	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	K70B-DLLH	3.91	Tốt	Giỏi	8.872.500
4	25700229	ĐÀM QUANG SƠN	K70C-DLLH	3.77	Tốt	Giỏi	8.872.500
5	25701860	PHÙNG NGUYỄN NGỌC MAI	K70B-DLLH	3.71	Tốt	Giỏi	8.872.500
6	25701672	PHẠM KHÁNH LINH	K70C-DLLH	3.56	Tốt	Giỏi	8.872.500
7	25701758	LÊ THỊ MINH LÝ	K70B-DLLH	3.53	Tốt	Giỏi	8.872.500
8	25700567	HOÀNG ANH	K70C-DLLH	3.5	Tốt	Giỏi	8.872.500
9	25701250	BUI VÕ KHÁNH HUYỀN	K70A-DLLH	3.44	Tốt	Giỏi	8.872.500
10	25700193	ĐỖ PHƯƠNG THẢO	K70C-DLLH	3.38	Tốt	Giỏi	8.872.500
11	25700426	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	K70B-DLLH	3.35	Tốt	Giỏi	8.872.500
12	25701537	LÝ BẢO QUYỀN	K70B-DLLH	3.29	Tốt	Giỏi	8.872.500
13	25701481	NGUYỄN KIM OANH	K70C-DLLH	3.29	Tốt	Giỏi	8.872.500
14	25700535	NGUYỄN THỊ LINH	K70B-DLLH	3.24	Tốt	Giỏi	8.872.500
15	25700851	CAO NGUYỄN TIỀN HÙNG	K70B-DLLH	3.68	Khá	Khá	8.450.000
16	25700161	HOÀNG THU ANH	K70A-DLLH	3.59	Khá	Khá	8.450.000
17	25700175	NGUYỄN TRẦN NGỌC ANH	K70B-DLLH	3.59	Khá	Khá	8.450.000
18	25700962	TRẦN LAN ANH	K70B-DLLH	3.56	Khá	Khá	8.450.000
4.10. Ngành Lâm nghiệp							9.712.500
1	25700397	NGUYỄN LƯU HẢI	K70A-LN	3.42	Tốt	Giỏi	9.712.500
4.11. Ngành Lâm sinh							19.887.500
1	25700583	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	K70A-LÂM SINH	3.72	Xuất sắc	Xuất sắc	10.175.000
2	25700560	HOÀNG YÊN CHI	K70A-LÂM SINH	3.59	Tốt	Giỏi	9.712.500
4.12. Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử							56.887.500
1	25701311	PHẠM HOÀI NAM	K70A-CNCĐT	3.5	Tốt	Giỏi	9.712.500
2	25701581	ĐỖ TRUNG KIÊN	K70A-CNCĐT	3.33	Tốt	Giỏi	9.712.500
3	25700311	LÊ QUANG HUY	K70A-CNCĐT	3.3	Tốt	Giỏi	9.712.500
4	25700794	NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	K70B-CNCĐT	3.63	Khá	Khá	9.250.000
5	25700626	VŨ BÀ VƯƠNG	K70A-CNCĐT	3.4	Khá	Khá	9.250.000
6	25700698	NGUYỄN KHÁC VƯỢNG	K70A-CNCĐT	3.3	Khá	Khá	9.250.000
4.13. Ngành Quản lý tài nguyên rừng							86.487.500
1	25701885	NGUYỄN VĂN QUÂN	K70B-QLTNR	3.88	Tốt	Giỏi	9.712.500
2	25701249	BUI THÁI SƠN	K70B-QLTNR	3.41	Tốt	Giỏi	9.712.500
3	25700856	NGUYỄN BÀ PHƯƠNG	K70B-QLTNR	3.38	Tốt	Giỏi	9.712.500
4	25701508	LÝ THỊ THUY	K70A-QLTNR	3.31	Tốt	Giỏi	9.712.500
5	25701459	NÔNG TUYẾT NHUNG	K70B-QLTNR	3.28	Xuất sắc	Giỏi	9.712.500
6	25700920	TRẦN ANH HIỆU	K70A-QLTNR	3.25	Tốt	Giỏi	9.712.500
7	25700103	NÔNG THỊ NGỌC ĐAN	K70B-QLTNR	3.22	Xuất sắc	Giỏi	9.712.500
8	25700926	CAO LÊ TUÂN	K70A-QLTNR	3.13	Tốt	Khá	9.250.000
9	25701467	TRINH KIM NHUNG	K70A-QLTNR	3.00	Tốt	Khá	9.250.000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm học tập	Điểm rèn luyện	Loại học bổng	Số tiền (đồng)
4.14. Ngành Bất động sản							8.347.500
1	25701093	ĐẶNG HẢI ANH	K70A-BDS	3.58	Tốt	Giỏi	8.347.500
4.15. Ngành Thú y							68.450.000
2	25701474	NGUYỄN THỊ THU	K70A-THÚ Y	3.74	Xuất sắc	Xuất sắc	10.175.000
1	25700909	NGUYỄN THỊ PHÚC LỢI	K70B-THÚ Y	3.76	Tốt	Giỏi	9.712.500
3	25701105	VŨ THỊ PHƯƠNG LINH	K70A-THÚ Y	3.71	Tốt	Giỏi	9.712.500
4	25700546	VŨ THỊ TRÂM ANH	K70A-THÚ Y	3.59	Xuất sắc	Giỏi	9.712.500
5	25700607	NGUYỄN THỊ THỰC ANH	K70B-THÚ Y	3.38	Tốt	Giỏi	9.712.500
6	25701238	HOÀNG MAI LINH	K70A-THÚ Y	3.32	Tốt	Giỏi	9.712.500
7	25701314	PHẠM QUỐC THÁI	K70A-THÚ Y	3.29	Tốt	Giỏi	9.712.500
8	25701812	NGUYỄN PHƯƠNG THAO	K70A-THÚ Y	3.26	Tốt	Giỏi	
4.16. Ngành Logistic và quản lý chuỗi cung ứng							136.437.500
1	25700151	KHIÊU THỊ THAO NHI	K70C-LOGISTICS	3.93	Xuất sắc	Xuất sắc	10.175.000
2	25700444	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	K70C-LOGISTICS	3.82	Tốt	Giỏi	9.712.500
3	25700181	PHẠM GIANG NAM	K70C-LOGISTICS	3.75	Tốt	Giỏi	9.712.500
4	25700840	VŨ THỊ THU HIỀN	K70B-LOGISTICS	3.75	Tốt	Giỏi	9.712.500
5	25700416	ĐỖ THỊ THU HỒNG	K70C-LOGISTICS	3.75	Tốt	Giỏi	9.712.500
6	25700905	VŨ THỊ THU HUYỀN	K70B-LOGISTICS	3.75	Tốt	Giỏi	9.712.500
7	25701332	NGUYỄN MINH QUÂN	K70A-LOGISTICS	3.74	Tốt	Giỏi	9.712.500
8	25701663	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	K70C-LOGISTICS	3.71	Tốt	Giỏi	9.712.500
9	25700725	LÊ THỊ HUYỀN	K70C-LOGISTICS	3.68	Tốt	Giỏi	9.712.500
10	25700448	PHẠM THỊ KHÁNH LINH	K70A-LOGISTICS	3.68	Tốt	Giỏi	9.712.500
11	25700078	LÊ THỊ THUY DƯƠNG	K70C-LOGISTICS	3.68	Tốt	Giỏi	9.712.500
12	25700550	NGUYỄN MINH ANH	K70C-LOGISTICS	3.68	Tốt	Giỏi	9.712.500
13	25700822	LÊ CÔNG HOÀNG ANH	K70B-LOGISTICS	3.64	Tốt	Giỏi	9.712.500
14	25700122	PHẠM THỊ NHƯ QUYNH	K70C-LOGISTICS	3.61	Tốt	Giỏi	9.712.500
4.17. Ngành Kỹ thuật xây dựng							19.425.000
1	25700133	LÊ MINH VŨ	K70A-KTXD	3.92	Tốt	Giỏi	9.712.500
2	25701470	ĐỖ QUANG TRƯỜNG	K70A-KTXD	3.46	Tốt	Giỏi	9.712.500
4.18. Ngành Kế toán							121.635.000
1	25700881	BÙI THỊ YẾN VI	K70B-KẾ TOÁN	3.71	Tốt	Giỏi	8.347.500
2	25700670	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	K70A-KẾ TOÁN	3.6	Tốt	Giỏi	8.347.500
3	25701138	PHÙNG NGỌC HUYỀN	K70C-KẾ TOÁN	3.6	Tốt	Giỏi	8.347.500
4	25700713	KHUẤT THỊ MAI ANH	K70C-KẾ TOÁN	3.5	Tốt	Giỏi	8.347.500
5	25700434	NGUYỄN DIỆU LINH	K70C-KẾ TOÁN	3.47	Tốt	Giỏi	8.347.500
6	25700214	TRẦN BAO NGỌC	K70A-KẾ TOÁN	3.33	Tốt	Giỏi	8.347.500
7	25701501	TRẦN THỊ THU NGUYỆT	K70B-KẾ TOÁN	4	Khá	Khá	7.950.000
8	25700185	NGUYỄN THỊ THUY DƯƠNG	K70A-KẾ TOÁN	3.9	Khá	Khá	7.950.000
9	25701127	HÀ THỊ PHƯƠNG THANH	K70A-KẾ TOÁN	3.9	Khá	Khá	7.950.000
10	25700314	LÊ TUÂN ANH	K70B-KẾ TOÁN	3.8	Khá	Khá	7.950.000
11	25701039	LỤC THỊ MINH HUYỀN	K70B-KẾ TOÁN	3.8	Khá	Khá	7.950.000
12	25700369	PHẠM THỊ QUYNH	K70A-KẾ TOÁN	3.8	Khá	Khá	7.950.000
13	25701406	NGUYỄN MINH THU	K70A-KẾ TOÁN	3.8	Khá	Khá	7.950.000
14	25700595	NGUYỄN THANH THAO	K70A-KẾ TOÁN	3.8	Khá	Khá	7.950.000
15	25701740	NGUYỄN THỊ MINH ANH	K70B-KẾ TOÁN	3.8	Khá	Khá	7.950.000
4.19. Ngành Quản trị kinh doanh							116.865.000
1	25701742	HOÀNG PHƯƠNG LY	K70B-QTKD	3.7	Xuất sắc	Xuất sắc	8.745.000
2	25700118	NGUYỄN THỊ THƠM	K70A-QTKD	3.68	Xuất sắc	Xuất sắc	8.745.000
3	25700487	TRẦN THỊ QUYNH ANH	K70C-QTKD	3.93	Tốt	Giỏi	8.347.500
4	25701815	DƯƠNG THIÊN HƯƠNG	K70C-QTKD	3.93	Tốt	Giỏi	8.347.500
5	25700301	ĐỖ VĂN THÀNH ĐỖ	K70C-QTKD	3.71	Tốt	Giỏi	8.347.500
6	25701600	DIỆP XUÂN MINH	K70A-QTKD	3.64	Tốt	Giỏi	8.347.500
7	25701296	PHẠM NGỌC LƯƠNG	K70B-QTKD	3.47	Tốt	Giỏi	8.347.500
8	25700812	NGUYỄN THỊ MINH ÁNH	K70B-QTKD	3.4	Tốt	Giỏi	8.347.500

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm học tập	Điểm rèn luyện	Loại học bổng	Số tiền (đồng)
9	25700815	NGUYỄN THỊ THANH HUẾ	K70B-QTKD	3.33	Tốt	Giỏi	8.347.500
10	25700359	BÙI HỒNG NGỌC	K70C-QTKD	3.32	Tốt	Giỏi	8.347.500
11	25700028	NGUYỄN THỊ ANH THU	K70A-QTKD	3.32	Tốt	Giỏi	8.347.500
12	25700938	ĐINH THỊ HÀ CHÂM	K70B-QTKD	3.27	Xuất sắc	Giỏi	8.347.500
13	25701554	TRINH THẢO ANH	K70A-QTKD	3.71	Khá	Khá	7.950.000
14	25700186	NGUYỄN THỊ TRANG	K70B-QTKD	3.7	Khá	Khá	7.950.000
4.20. Ngành Tài chính ngân hàng							41.737.500
1	25701216	PHAN THỊ BÌNH	K70A-TCNH	3.91	Xuất sắc	Xuất sắc	8.745.000
2	25700237	ĐINH THỊ THU HIỀN	K70A-TCNH	3.68	Tốt	Giỏi	8.347.500
3	25700235	ĐINH THỊ BÍCH PHƯƠNG	K70A-TCNH	3.26	Tốt	Giỏi	8.347.500
4	25700828	ĐỖ THẢO NGUYỄN	K70A-TCNH	3.24	Tốt	Giỏi	8.347.500
5	25700276	HOÀNG THỊ THANH TRANG	K70A-TCNH	3.79	Khá	Khá	7.950.000
4.21. Ngành Hệ thống thông tin							47.637.500
2	25701265	VŨ THỊ VÀNG ANH	K70A-HTTT	3.67	Tốt	Giỏi	9.712.500
4	25700853	NGUYỄN THANH THẢO	K70A-HTTT	3.6	Tốt	Giỏi	9.712.500
5	25700343	NGUYỄN LÊ QUÂN	K70A-HTTT	3.37	Tốt	Giỏi	9.712.500
1	25700046	TÔ SONG ĐỨC ANH	K70A-HTTT	3.93	Khá	Khá	9.250.000
3	25700200	NGÔ THỊ MAI LAN	K70A-HTTT	3.67	Khá	Khá	9.250.000